

TỔNG CÔNG TY LẮP MÁY VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA5



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2015

BỈM SƠN, THÁNG 04 NĂM 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Tên công ty: Công ty cổ phần Lilama5
Năm báo cáo: 2015

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch tiếng Việt: Công ty cổ phần LILAMA5 (LILAMA5.,JSC)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 002A/BXD-TCLD
- Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 50.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 179 đường Trần Phú, P.Ba Đình, TX Bim Sơn, Tỉnh Thanh Hóa.
- Số điện thoại: 0373.824.421
- Số Fax: 0373.824.220
- Website: lilama5.com.vn
- Mã cổ phiếu: LO5

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Lilama5 là đơn vị thuộc Tổng công ty lắp máy Việt Nam. Được hình thành vào năm 1976, tiền thân là công trường Lắp máy Thanh Hóa để lắp đặt các nhà máy: Gạch Ba Lan, Nhà máy xi măng Bim Sơn Thanh Hóa... Từ khi thành lập đến nay cùng với sự phát triển của đất nước Công ty đã nhiều lần đổi tên: Năm 1979 là Xí nghiệp liên hợp Lắp máy 45, năm 1993 đổi thành Xí nghiệp Lắp máy số 5, năm 1995 đổi tên thành Công ty Lắp máy và xây dựng số 5, đến năm 2006 được đổi tên thành Công ty Cổ phần Lilama5 (Sau đây viết tắt là Lilama5).

*** Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:**

Thực hiện chủ trương đổi mới và sắp xếp lại các Doanh nghiệp Nhà nước. Năm 2006 Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5 được chuyển thành Công ty cổ phần Lilama5 theo Quyết định chuyển Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần, theo quyết định số 667/QĐ-BXD ngày 17/ 4/ 2006 của Bộ Xây dựng. Số đăng ký kinh doanh 2603000439 ngày 15/ 6/ 2006 đăng ký lần đầu, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 12/05/2015 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp.

- Vốn điều lệ của Công ty là: **50.000.000.000 đồng trong đó:**
- Vốn thuộc sở hữu nhà nước: **51%** (Tổng công ty Lắp máy Việt Nam nắm giữ)
- Vốn thuộc sở hữu của các cổ đông khác: **49%**

*** Niêm yết:**

Ngày 21/12/2009 cổ phiếu Công ty đã chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HXN) với:

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Lilama5

Mã chứng khoán : LO5

Số lượng cổ phiếu niêm yết ban đầu	: 5.000.000 Cổ phần
Tổng KL niêm yết	: 5.000.000 Cổ phần
Tổng giá trị niêm yết	: 50.000.000.000 đồng

*** Các sự kiện khác: (không)**

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

• Ngành nghề kinh doanh:

- Chế tạo và lắp đặt các thiết bị cơ khí, thiết bị đồng bộ, dây chuyền công nghệ, thiết bị lò hơi, thiết bị nâng, thiết bị chịu áp lực cho các nhà máy điện, điện tử công nghiệp, nhiệt điện, thủy điện, lọc hóa dầu, hóa chất, công nghiệp thực phẩm, xi măng,...

- Chế tạo và lắp đặt hệ thống đường ống áp lực, đường ống công nghệ các loại.

- Chế tạo và lắp đặt các loại bồn, bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng có dung tích lớn, các loại bình bể áp lực.

- Gia công chế tạo và lắp đặt thiết bị, kết cấu thép cho các công trình công nghiệp.

- Lắp đặt thiết bị điện, đường dây, trạm phân phối, trạm biến áp thuộc các công trình công nghiệp và dân dụng.

- Tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt thiết bị siêu trường, siêu trọng.

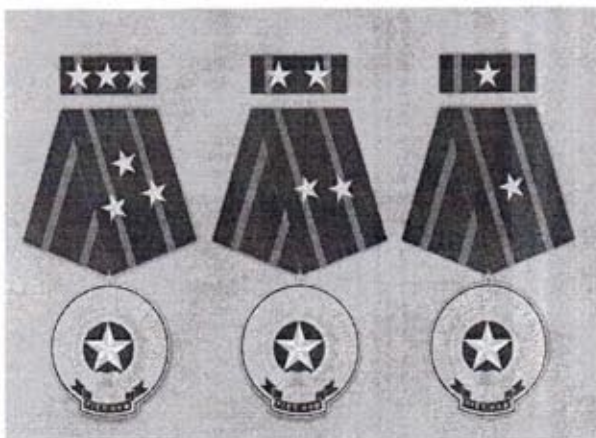
- Tư vấn, thiết kế các công trình công nghiệp và dân dụng.

- Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện.

- Sửa chữa bảo trì, bảo dưỡng và vận hành chạy thử các nhà máy xi măng, nhiệt điện,...

• Tình hình hoạt động:

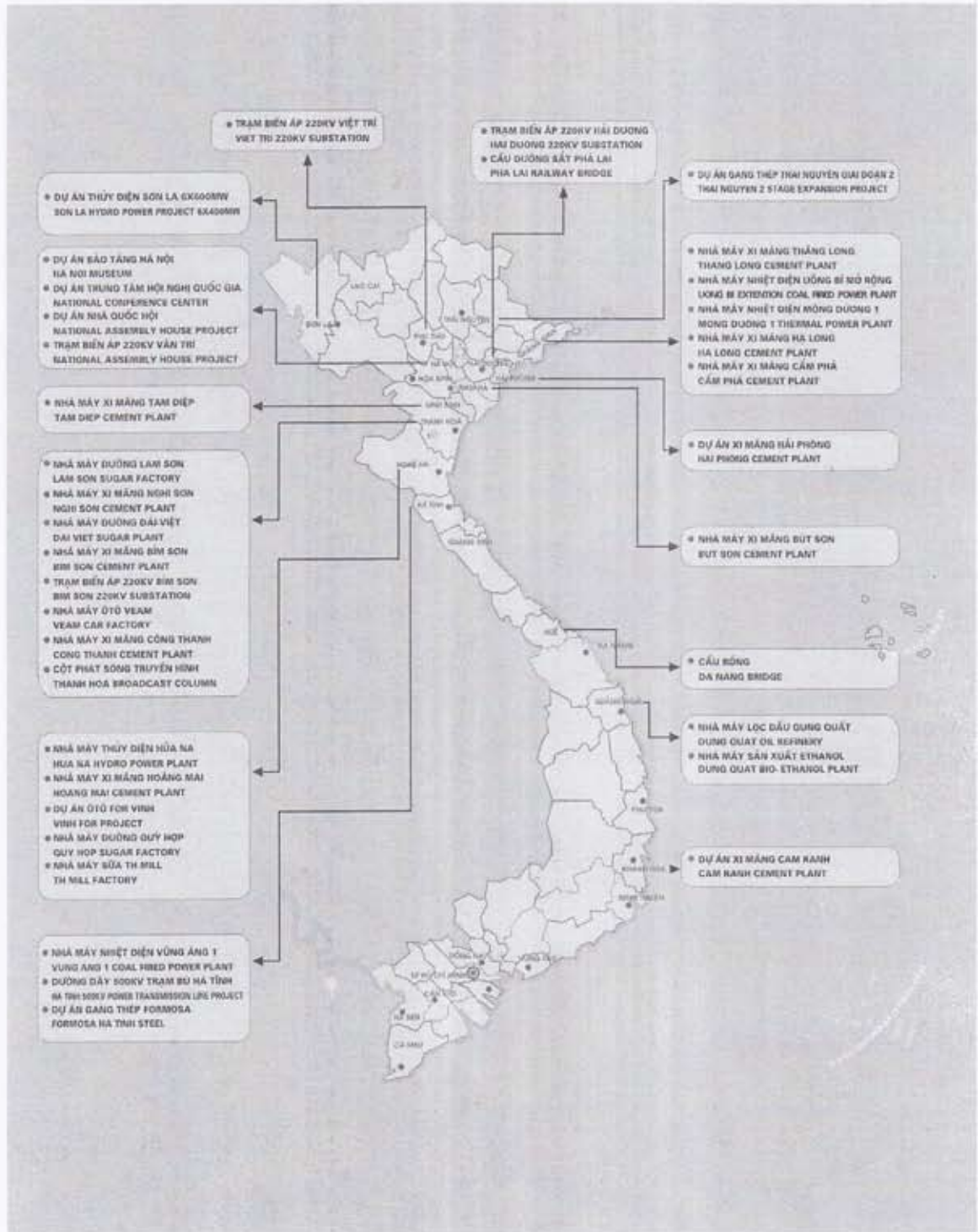
Gần 40 năm xây dựng, trưởng thành và phát triển, Công ty cổ phần Lilama5 đã đạt được nhiều thành tích to lớn góp phần vào sự nghiệp xây dựng đất nước, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý:



- 01 Huân chương lao động hạng nhất
- 01 Huân chương lao động hạng nhì
- 02 Huân chương lao động hạng ba
- 04 Huy chương vàng chất lượng ngành xây dựng

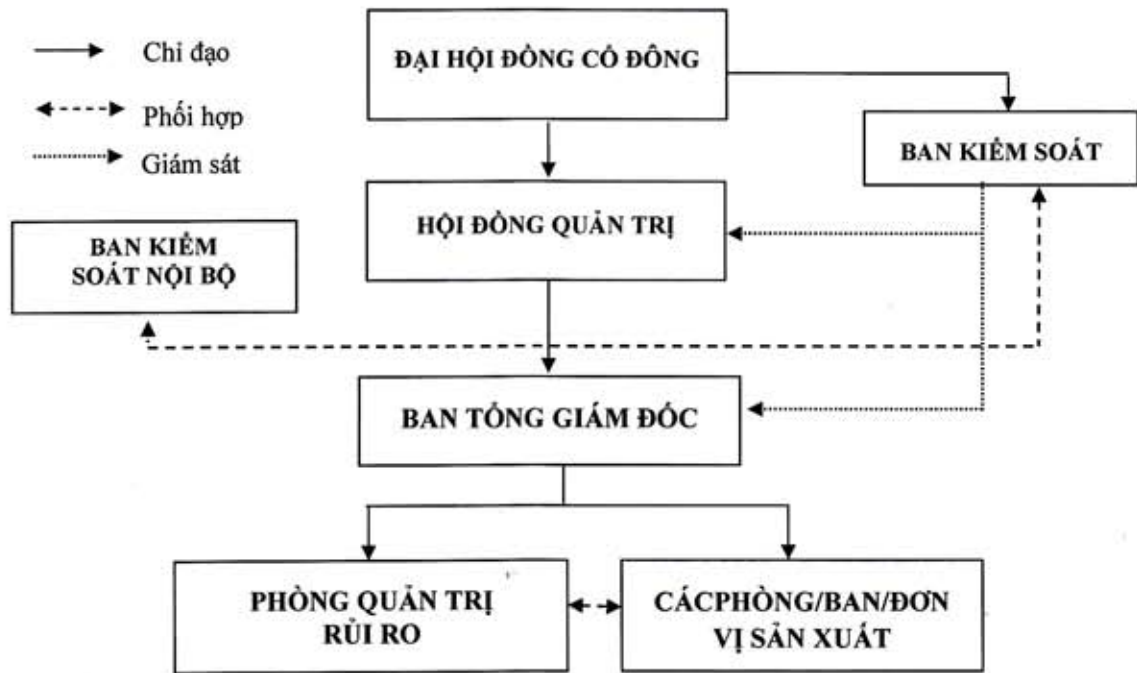
• Địa bàn kinh doanh:

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH LỚN ĐÃ VÀ ĐANG THI CÔNG



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

- **Mô hình quản trị:** Theo sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý Công ty như sau:



- Công ty con, Công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển:

• Chiến lược tăng trưởng tập trung:

Định hướng ngành nghề kinh doanh chính trong giai đoạn này của Lilama5 được xác định trên cơ sở rà soát lại các mục tiêu chiến lược, ngành nghề kinh doanh, trong đó chú trọng đến thị trường sản phẩm chính, môi trường kinh doanh, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và xu hướng phát triển. Lilama5 quyết định sẽ tập trung, chuyên sâu Tổng thầu (EPC) về lĩnh vực điện (Điện than, Thủy điện, Phong điện, Điện khí, Điện khác..) và duy trì hoạt động sản xuất trong lĩnh vực bảo trì, bảo dưỡng các Nhà máy sản xuất công nghiệp và xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp

Đây là nền tảng để Công ty nâng cao thị phần lắp đặt, gia công chế tạo thiết bị cơ khí trên thị trường xây lắp Việt Nam. Thông qua đó tăng cao giá trị doanh thu của ngành nghề kinh doanh chính nhằm đảm bảo tốc độ tăng trưởng bình quân từ 10%-15%/năm

• Chiến lược về lợi nhuận:

Tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính là thế mạnh truyền thống của Công ty, những ngành nghề có tầm quan trọng chiến lược, có tiềm năng tăng trưởng và có lợi nhuận cao. Mặt khác hướng tới những khách hàng có tiềm năng

về tài chính, có khả năng thanh khoản cao. Đổi mới công nghệ sản xuất, xây dựng và vận hành mô hình quản lý phù hợp để nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí sản xuất để đạt hiệu quả sản xuất trong kinh doanh và lợi nhuận cao nhất.

• **Chiến lược về nhân sự:**

Lilama 5 xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, hấp dẫn, Sắp xếp bố trí nhân sự vào các vị trí công việc phù hợp, kết hợp thực hiện cơ chế lương, thưởng hợp lý, gắn với hiệu quả công việc tạo ra sự hứng thú, lôi cuốn người lao động gắn bó với Công ty.

Đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nhân viên Công ty.

5. Các rủi ro (Các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty):

Lilama5 phải xây dựng các hệ thống, quy trình quản lý các rủi ro riêng lẻ trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

- Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế
- Rủi ro về lãi suất và dự phòng tài chính
- Rủi ro về lạm phát và tỷ giá hối đoái
- Rủi ro về dòng tiền
- Rủi ro về cạnh tranh
- Rủi ro về thanh toán

II. Tình hình hoạt động trong năm 2015:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2015:

TT	Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch
1	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	410,000	450,612	110%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	280,000	304,713	109%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,310	2,752	-
4	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	15,400	15,800	102%
5	Đầu tư dụng cụ, thiết bị thi công	Tỷ đồng	11,000	5,332	48%
6	Thu nhập BQ 01 người/tháng	Triệu đồng	6,50	6,80	105%

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015:

• Những thuận lợi:

Trong thời gian qua, được sự quan tâm, giúp đỡ của lãnh đạo Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và sự tin tưởng của đối tác khách hàng nên Công ty cổ phần Lilama5 đã được nhận thi công một số phần việc tại các dự án lớn như: Dự án lọc hóa dầu Nghi Sơn; Dự án nhiệt điện Thái Bình 2; Dự án FORMOSA Hà Tĩnh; Công trình nhà Quốc Hội; Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1; Xây lắp trạm 220 KV Bim Sơn; Xây lắp trạm 220 KV Hải Dương 2; Xây lắp trạm biến áp 110KV Bim Sơn; Chế tạo và lắp đặt thiết bị cho Nhà máy xi măng Công Thanh; Bảo trì các Nhà máy xi măng...

• Những khó khăn:

Khó khăn về công tác tái cơ cấu phần tài sản dây chuyền, máy móc, thiết bị sản xuất que hàn.

Khó khăn về công tác thu hồi nợ: Một số công trình đã hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư nhưng công tác quyết toán và thu hồi vốn của Công ty gặp rất nhiều khó khăn như các dự án: Dự án dây chuyền mới xi măng Bim Sơn; Chế tạo và lắp đặt KCT nhà Tua Bin và Nhà Bunker ký hợp đồng với Lilama 45-1 thuộc Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1; Chế tạo kết cấu thép Cầu rồng Đà Nẵng; Dự án TH Milk Nghĩa Đàn, Thu hồi công nợ khách hàng mua que hàn và một số dự án khác.

2. Tổ chức và nhân sự:

TT	Họ và tên	Chức danh	Năm sinh	Số CMND
I	Ban Tổng giám đốc			
1	Phạm Đình San	Tổng giám đốc	09/06/1969	141649784
2	Lưu Huy Phúc	Phó Tổng giám đốc	10/09/1965	171438932
3	Đình Thành Lê	Phó Tổng giám đốc	02/02/1974	164088677
4	Phạm Văn Hoàn	Phó Tổng giám đốc	23/02/1974	161982208
5	Nguyễn Hồng Hạ	Phó Tổng giám đốc	08/05/1975	172649041
II	Kế toán trưởng			
1	Nguyễn Tuấn Ngọc	Thành viên HĐQT	19/5/1981	171718757

Lý lịch của Ban Điều hành:

1. Ông: PHẠM ĐÌNH SAN – TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm sinh : 09/06/1969

CMND : 141649784

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện tự động hóa

Địa chỉ thường trú: Xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội.

Cổ phiếu nắm giữ: + Cá nhân: 20.000 CP - Tỷ lệ 0,4%

+ Đại diện Nhà nước: 800.000 CP - Tỷ lệ 16%

2. Ông: LƯU HUY PHÚC – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm sinh : 10/09/1965

CMND : 171438932

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Địa chỉ thường trú: SN 04, Đường Bùi Thị Xuân, Khu phố 5, Phường Ba Đình, Thị xã Bim sơn, Tỉnh Thanh Hoá

Cổ phiếu nắm giữ: + Cá nhân: 31.600 CP - Tỷ lệ: 0,632%

3. Ông: ĐINH THÀNH LÊ – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm sinh : 02/02/1974

CMND : 164088677

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư nhiệt điện

Địa chỉ thường trú: Huyện Từ Liêm - TP Hà Nội

Cổ phiếu nắm giữ: + Cá nhân: 8.410CP - Tỷ lệ: 0,168%

4. Ông: NGUYỄN HỒNG HẠ – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm sinh : 08/05/1975

CMND : 172649041

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí chế tạo máy

Địa chỉ thường trú: Khu phố 6, Ba Đình, Bim Sơn, Thanh Hoá.

Cổ phiếu nắm giữ: + Cá nhân: 4.380 CP - Tỷ lệ: 0,088%

5. Ông: PHẠM VĂN HOÀN – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm sinh : 23/02/1974

CMND : 161982208

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí chế tạo máy

Địa chỉ thường trú: Thành Phố Vinh – Nghệ An

Cổ phiếu nắm giữ: + Cá nhân: 20 CP - Tỷ lệ: 0,0004%

6. Ông: NGUYỄN TUẤN NGỌC – TVHĐQT KIỂM KÊ TOÁN TRƯỞNG

Ngày tháng năm sinh : 19/05/1981

CMND : 171718757

Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính Ngân hàng.

Địa chỉ thường trú: SN35/9 Tô Vĩnh Diện, P. Điện Biên, TP Thanh Hóa

Cổ phiếu nắm giữ: + Cá nhân:

+ Đại diện Nhà nước: 750.000 CP - Tỷ lệ 15%

- **Những thay đổi trong ban điều hành năm 2015: Không có**

- **Tình hình lao động và chính sách đối với người lao động:**

+ Tổng số lao động sử dụng bình quân năm 2015 là: 1200 người

+ Các chính sách đối với người lao động: Trong năm 2015 Công ty chú trọng đầu tư cho công tác đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cán bộ công nhân viên như sau:

Tổ chức đào tạo tại chỗ cho công nhân nghề hàn

Cử cán bộ công nhân viên tham gia các khóa tập huấn ngắn hạn để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật, năng lực quản lý...

Mở lớp bồi dưỡng nâng cao chuyên môn tiếng Anh cho CBCNV khối phòng ban Công ty, đối với CBCNV ở các công trình/dự án: Cử tham gia học lớp tiếng anh tại các trung tâm.

Công tác chăm lo đời sống người lao động: Công ty đã quan tâm, chăm lo cải thiện điều kiện sinh hoạt, làm việc của CBCNV lao động trên các công trường, động viên kịp thời CBCNV, khắc phục những khó khăn, nâng cao năng suất lao động, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động, thanh toán tiền lương kịp thời, tham gia Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thân thể, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác cho người lao động theo đúng quy định hiện hành.

3. Tình hình đầu tư, hình thức thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn: Công ty chưa có

b. Công ty con, Công ty liên kết: Công ty chưa có:

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	488.980.426.773	451.225.127.354	108%
Doanh thu thuần	304.712.815.268	276.128.111.241	110%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-17.878.157.203	361.802.993	
Lợi nhuận khác	20.629.740.999	97.978.526	
Lợi nhuận trước thuế	2.751.583.796	459.781.519	
Lợi nhuận sau thuế	1.567.405.078	358.629.585	

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,04	1,00	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,66	0,61	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,85	0,84	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	5,58	5,20	
3. Chỉ tiêu về năng lực			
+ Vòng quay hàng tồn kho	2,08	1,87	
+ Doanh thu thuần /Tổng tài sản	0,62	0,61	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,51	0,13	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	2,11	0,49	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,32	0,08	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	-5,87	0,13	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**a. Cổ phần:**

Ngày 21/12/2009 cổ phiếu Công ty đã chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HXN) với:

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Lilama5

Mã chứng khoán: LO5

Số lượng cổ phiếu niêm yết ban đầu : 5.000.000 Cổ phần

Tổng KL niêm yết : 5.000.000 Cổ phần

Tổng giá trị niêm yết : 50.000.000.000 đồng

b. Cơ cấu cổ đông:

Tên tổ chức	Đơn vị tính	Vốn góp	Tỷ lệ % vốn Điều lệ
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Đồng	25.500.000.000	51 %
Vốn cổ đông khác	Đồng	24.500.000.000	49 %

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu:

Năm 2006 Vốn điều lệ của Công ty là: **10.000.000.000 đồng**

Thực hiện tăng vốn lần 1 (Thời gian 20/5/2009 – 30/6/2009): Công ty tăng vốn điều lệ lên: **50.000.000.000 đồng** thông qua phát hành thêm 4.000.000 cổ phiếu (Mệnh giá 10.0000 đồng/cổ phiếu) cho các đối tượng: Cổ đông hiện hữu, cán bộ công nhân viên Công ty, nhà đầu tư bên ngoài doanh nghiệp.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm 2015

TT	Tên đơn vật tư	Đơn vị tính	Số lượng sử dụng trong năm 2015
1	Chế tạo thiết bị và kết cấu thép (Thép hình, thép tấm, thép góc các loại)	Tấn	1.500
2	Que hàn các loại	Tấn	27

b. Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng : Do đặc thù của ngành xây lắp nên Công ty cổ phần Lilama5 sử dụng lượng điện bao gồm cả khối phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty khoảng hơn 15 triệu KW. Việc sử dụng điện tiết kiệm cho công tác sản xuất kinh doanh như gia công chế tạo thiết bị và kết cấu thép, lắp đặt thiết bị và kết cấu thép, thiết bị chiếu sáng.

6.3. Tiêu thụ nước: Để đảm bảo đủ nước sinh hoạt phục vụ cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Lilama5 đã sử dụng nguồn nước đối với khối phòng ban nguồn nước sạch do Thị xã Bim Sơn cấp. Đối với đội công trình tùy theo đặc điểm của từng dự án có thể nước giếng khoan, mua nước sạch tại tỉnh/dự án cấp.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường : Công ty cổ phần Lilama5 luôn luôn chấp hành các quy định về công tác quản lý và bảo vệ môi trường. Do vậy trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty chưa bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động :

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động : Trong năm 2015 Công ty cổ phần Lilama5 sử dụng bình quân lao động là : 1.200 người. Mức lương bình quân 6.800.000 đồng/01 người/tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động :

Khám sức khỏe định kỳ và khám sức khỏe trèo cao

Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho người lao động

Huấn luyện công tác an toàn vệ sinh lao động theo quy định Thông tư số : 27/2013/TT-BLĐTBXH ngày 18/10/2013.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương : Công ty thực hiện đầy đủ công tác an sinh xã hội tại địa phương.

III. Báo cáo đánh giá của Ban giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2015:

TT	Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch
1	Giá trị sản lượng	Tỷ đồng	410,000	450,612	110%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	280,000	304,713	109%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,310	2,752	-
4	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	15,400	15,800	102%
5	Đầu tư dụng cụ, thiết bị thi công	Tỷ đồng	11,000	5,332	48%
6	Thu nhập BQ 01 người/tháng	Triệu đồng	6,50	6,80	105%

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

Trong năm 2015 Công ty cổ phần Lilama5 đã triển khai thi công đảm bảo an toàn, đúng tiến độ, kỹ thuật, chất lượng và hoàn thành bàn giao cho chủ đầu tư một số dự án công trình như: Xây lắp Trạm điện 220kV Bim Sơn; Xây lắp Trạm điện 110kV Bim Sơn; Xây lắp Trạm điện 220kV Hải Dương 2; Nhà máy nhiệt điện Mông Dương1; Formosa Hà Tĩnh; Một số hạng mục tại nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn; Nhà máy xi măng Công Thanh; Nhà máy gỗ Quảng Trị và một số dự án khác. Đặc biệt là công trình Nhà Quốc Hội được Chủ đầu tư đánh giá thi công đảm bảo an toàn, chất lượng, kỹ thuật cao, được Nhà nước tặng phần thưởng cao quý.

- Về cơ cấu tổ chức:

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tinh giảm bộ máy từ các phòng ban Công ty đến các đội công trình phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

- Về chính sách quản lý:

Triển khai thực hiện Đề án Tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty giai đoạn 2012 -2015 và giai đoạn năm 2016 - 2020.

Ban Tổng giám đốc phối hợp cùng với Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới một số quy chế, quy định nhằm quản lý, điều hành. Hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, xây dựng và phát triển Công ty có đủ năng lực để hội nhập trong giai đoạn tới.

Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng các quy định của Pháp luật

Tiếp tục tăng cường các biện pháp quản lý chặt chẽ vật tư, nâng cao hiệu quả sử dụng phương tiện máy móc thiết bị để giảm chi phí sản xuất.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2014	Tỷ lệ %
Tổng tài sản	Triệu đồng	488.980	451.225	108%
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	377.550	326.458	116%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	111.429	124.766	89%

c. Tình hình nợ phải trả:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2014	Tỷ lệ %
Nợ phải trả	Triệu đồng	414.679	378.455	110%
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	363.387	325.046	112%
Nợ dài hạn	Triệu đồng	51.292	53.409	96%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Công ty cổ phần Lilama5 đã hoàn thành công tác tất toán toàn bộ khoản nợ vay đầu tư Nhà máy sản xuất vật liệu hàn LILAMA cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB).

Công ty cổ phần Lilama5 đã hoàn thành một phần công tác tái cơ cấu Nhà máy que hàn, bán đấu giá công khai minh bạch phần tài sản nhà cửa vật kiến trúc gắn liền trên đất của Nhà máy sản xuất vật liệu hàn LILAMA.

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty giai đoạn 2012 -2015 và giai đoạn 2016 - 2020.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định về quản lý cho phù hợp với mô hình Công ty đại chúng nhằm tăng cường giám sát tình hình tài chính và kiểm soát chặt chẽ tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được nhằm tận dụng và phát huy tối đa giá trị thương hiệu LILAMA, củng cố, tích tụ lực lượng sản xuất để tạo ra sự thay đổi về chất về quy mô Công ty, nâng cao năng lực, thực hiện Tổng thầu (EPC) chuyên nghiệp tầm cỡ trong nước chuyên sâu về lĩnh vực điện (Điện than, Thủy điện, Phong điện, Điện khí, Điện khác..)

Tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất trong lĩnh vực bảo trì, bảo dưỡng các Nhà máy sản xuất công nghiệp và xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp.

Xây dựng Lilama5 trở thành một Công ty có quy mô vừa, có trình độ công nghệ, quản lý phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn và có tính chuyên nghiệp trong ngành nghề kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với khoa học công nghệ, nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

5. Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội:

Thực hiện trách nhiệm xã hội là việc doanh nghiệp thể hiện trách nhiệm đạo đức kinh doanh, cách hành xử với người lao động, đối với môi trường cộng đồng và xã hội. Nhằm mang lại lợi ích cho doanh nghiệp, người lao động và sự phát triển bền vững. Ý thức được điều đó, trong quá trình sản xuất kinh doanh. Ban lãnh đạo Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với Người lao động theo Quy định của pháp luật.

Tham gia đầy đủ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thân thể, bảo hiểm thất nghiệp cho Người lao động. Việc giải quyết các chế độ, chính sách cho người lao động kịp thời, đúng theo quy định của Nhà nước.

Thực hiện nhiều chương trình ủng hộ mang ý nghĩa xã hội như: Ủng hộ đồng bào nghèo; Thành lập quỹ từ thiện; Quỹ khuyến học...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh:

Căn cứ vào nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2015. Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo và giám sát bộ máy quản lý thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty cụ thể như sau:

• Về tổ chức sản xuất kinh doanh, đầu tư:

Chỉ đạo công tác thi công toàn bộ các công trình mà Công ty tham gia thi công đảm bảo chất lượng, an toàn và đúng tiến độ.

Chỉ đạo công tác thanh quyết toán và thu hồi vốn các công trình

Công tác đầu tư được thực hiện tuân thủ theo đúng quy định của Nhà nước về trình tự, thủ tục.

Công tác tài chính kế toán được thực hiện theo đúng quy chế quản lý tài chính, việc hoạch toán kế toán theo đúng chuẩn mực kế toán hiện hành. Thực hiện đúng việc chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký Hội đồng quản trị.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc.

Năm 2015, Ban Tổng giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực để thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

Các chủ trương, chính sách, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều được Ban Tổng giám đốc tổ chức triển khai đầy đủ và kịp thời.

Ban Tổng giám đốc đã rất quyết liệt trong việc chỉ đạo thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí, sắp xếp lại bộ máy điều hành từ các phòng ban đến đơn vị sản xuất, quyết liệt thực hiện công tác thu hồi vốn, nợ đọng.

Về công tác tiếp thị đấu thầu: Tích cực tiếp thị, đấu thầu, tập trung đấu thầu các dự án có khả năng thanh khoản cao.

Về công tác Tái cơ cấu Nhà máy que hàn: Tích cực tìm kiếm các đối tác trong và ngoài nước để chuyển nhượng nhà máy que hàn. Trong năm 2015 đã hoàn thành công tác tái cơ cấu khoản vay đầu tư Nhà máy que hàn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB). Bán đấu giá công khai minh bạch phần tài sản nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền trên đất của Nhà máy que hàn.

Về công tác tài chính: Khắc phục những khó khăn về tình hình tài chính và cố gắng thu xếp nguồn vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh chỉ đạo tốt công tác nghiệm thu thanh quyết toán và thu hồi vốn các công trình.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Chỉ đạo, giám sát việc triển khai thực hiện Đề án tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản trị Công ty cổ phần Lilama 5 giai đoạn 2012-2015 và giai đoạn 2016 - 2020.

Chỉ đạo, giám sát việc tiếp tục sửa đổi, bổ sung các Quy chế quản lý nhằm nâng cao năng lực quản trị.

Chỉ đạo, giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Về kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2016:

- | | |
|---------------------|---------------|
| + Giá trị sản lượng | : 460 tỷ đồng |
| + Doanh thu | : 310 tỷ đồng |

V. Quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

T T	Họ và tên	Chức danh	Số lượng năm giữ CP C.ty	Tỷ lệ % biểu quyết	Tư cách thành viên
1	Trần Văn Mão	Chủ tịch HĐQT	1.093.500	21,86%	Chuyên trách
2	Phạm Đình San	TVHĐQT-TGD	820.000	16,4%	Điều hành
3	Nguyễn Tuấn Ngọc	TV HĐQT-KTT	750.000	15%	Điều hành
4	Cù Minh Kim	TV HĐQT	7.500	0,15%	Độc lập
5	Bùi Thanh Phong	TV HĐQT	0	0%	Độc lập

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2015, Hội đồng quản trị đã thể hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chế độ chính sách của Nhà nước. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đã đưa ra định hướng đúng đắn, các giải pháp phù hợp và kịp thời để chỉ đạo sản xuất kinh doanh. Do đó, đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

Trong năm 2015 Hội đồng quản trị đã tổ chức họp 16 phiên họp Hội đồng quản trị bằng văn bản để quyết định các nội dung chủ yếu thuộc chức trách, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị để chỉ đạo, quản lý, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tại từng phiên họp, Hội đồng quản trị đã xem xét kiểm điểm, đánh giá và có những nghị quyết chỉ đạo sản xuất kinh doanh sát với tình hình thực tế, phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị đã chủ động thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã đề ra và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Tham dự đầy đủ các phiên họp Hội đồng quản trị, cùng xem xét nghiên cứu và đưa ra ý kiến đóng góp cho nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Thực hiện theo nhiệm vụ được phân công cho các Thành viên Hội đồng quản trị phụ trách từng lĩnh vực theo Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty.

Có ý kiến kịp thời với Ban giám đốc và Hội đồng quản trị khi nhận thấy có những quyết sách chưa hợp lý.

5	Bùi Thanh Phong	TVHĐQT	110.142.800	34.500.000	144.642.800
6	Lưu Sỹ Học	Trưởng BKS	0	34.500.000	34.500.000
7	Nguyễn Văn Nguyên	TVBKS	174.841.200	27.600.000	202.441.200
8	Nguyễn Mạnh Toàn	TVBKS	148.207.400	27.600.000	175.807.400
9	Lưu Huy Phúc	Phó TGD	221.837.500	0	221.837.500
10	Đình Thành Lê	Phó TGD	253.738.800	0	253.738.800
11	Phạm Văn Hoàn	Phó TGD	210.762.600	0	210.762.600
12	Nguyễn Hồng Hạ	Phó TGD	264.592.500	0	264.592.500
	Tổng cộng		2.023.969.900	227.700.000	2.251.669.900

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị Công ty theo của Luật doanh nghiệp và các quy định khác của Nhà nước.

V. Báo cáo tài chính: (đính kèm)

Bỉm Sơn, ngày 19 tháng 04 năm 2016

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Văn Mão

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kết quả công tác kiểm toán	5 - 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 30
<i>Phụ lục số 01: Tăng giảm tài sản cố định hữu hình</i>	25
<i>Phụ lục số 02: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	26 - 27
<i>Phụ lục số 03: Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	28 - 29
<i>Phụ lục số 04: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu</i>	30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 5 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần LILAMA 5 tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5 thuộc Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam được thành lập theo quyết định số 05/BXD - TCLĐ ngày 02/01/1996 của Bộ Xây dựng và được chuyển đổi sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 667/QĐ - BXD của Bộ xây dựng ngày 17/4/2006 về việc chuyển Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5 thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800233448 cấp ngày 15 tháng 6 năm 2006, thay đổi lần 5 ngày 12 tháng 05 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp.

Theo giấy đăng ký kinh doanh lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty là:

- Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, hệ thống thông tin liên lạc, đường dây tải điện, trạm biến thế; thi công xử lý nền móng, trang trí nội thất, lắp ráp thiết bị máy móc công trình;
- Gia công chế tạo, lắp đặt và tư vấn lắp đặt dây chuyền công nghệ, kết cấu thép các công trình, thiết bị lò hơi, bình, bể chứa gas, đường ống công nghệ chịu áp lực các loại;
- Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá hủy (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray); thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ, chống ăn mòn bề mặt kim loại;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư (gạch lát, đá ốp lát, đá xây dựng, đất đèn, que hàn), phụ tùng, cấu kiện, kim loại cho xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải; tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt thiết bị siêu trường, siêu trọng; kinh doanh bất động sản và nhà ở.

Trụ sở chính của Công ty tại 179 Trần Phú - Thị xã Bim Sơn - Tỉnh Thanh Hóa.

Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 5.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV	2.550.000	25.500.000.000	51 %
Vốn góp của cổ đông khác	2.450.000	24.500.000.000	49 %
	5.000.000	50.00.000.000	100 %

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

1021
CC
RACH
TIEN
HAI
VII
NH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Trần Văn Mão	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Phạm Đình San	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Cù Minh Kim	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Bùi Thanh Phong	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Tuấn Ngọc	Thành viên hội đồng quản trị

Các thành viên Ban giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Phạm Đình San	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Thành Lê	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Hạ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Huy Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Ngọc	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Ông Lưu Sỹ Học	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Toàn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA)- đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện

51
NG
NH
1 TC
M Đ
T
XU

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 5

Đ/c: Số 179 Đường Trần Phú - TX Bim Sơn - Thanh Hóa

hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Lilama 5 phê duyệt Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 của Công ty

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 3 năm 2016

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Thanh Hóa, ngày 10 tháng 03 năm 2016

TM BAN GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



51
V
G
H
T
C
Đ
I
T
N
Ấ
N

Số: ~~1270~~ BCTC/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lilama 5

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lilama 5, được lập ngày 23/02/2016, từ trang 07 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lilama 5 tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ý kiến của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



LÊ NGỌC KHUÊ

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0665-2014-126-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2016

TỔNG THỊ BÍCH LAN

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 060-2014-126-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		377.550.442.424	326.458.707.211
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		57.809.316.166	14.746.750.949
1. Tiền	111	V.01	57.809.316.166	14.746.750.949
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.957.123.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		17.957.123.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		164.644.059.869	184.753.565.554
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	163.094.032.744	174.560.299.146
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	1.855.925.064	7.328.788.931
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	4.069.136.482	4.069.618.678
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(4.375.034.421)	(1.205.141.201)
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	137.139.943.389	126.950.639.563
1. Hàng tồn kho	141		137.139.943.389	126.950.639.563
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	7.751.145
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	7.751.145
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		111.429.984.349	124.766.420.143
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		25.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		92.309.923.289	110.082.680.273
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	91.678.997.753	110.082.680.273
- Nguyên giá	222		166.393.911.407	182.685.841.541
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(74.714.913.654)	(72.603.161.268)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	630.925.536	-
- Nguyên giá	225		691.243.636	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(60.318.100)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	3.533.530.222	3.765.823.094
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.533.530.222	3.765.823.094
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	20.000.000	20.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		20.000.000	20.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		15.541.530.838	10.897.916.776
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	15.541.530.838	10.897.916.776
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		488.980.426.773	451.225.127.354

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2015	01/01/2015
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		414.679.745.145	378.455.987.846
I. Nợ ngắn hạn	310		363.387.623.050	325.046.600.682
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	37.785.221.885	60.147.519.126
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	19.577.488.714	18.001.408.310
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	7.406.933.224	6.681.265.115
4. Phải trả người lao động	314		9.079.624.396	13.190.527.050
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	3.000.000.000	24.317.235.918
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	46.480.013.748	16.783.719.886
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	239.974.587.368	185.877.034.520
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		83.753.715	47.890.757
II. Nợ dài hạn	330		51.292.122.095	53.409.387.164
1. Phải trả dài hạn người bán	331		29.555.454.730	21.644.683.164
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	21.736.667.365	31.764.704.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		74.300.681.628	72.769.139.508
I. Vốn chủ sở hữu	410		74.300.681.628	72.769.139.508
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.031.500.000	15.031.500.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		442.200.890	442.200.890
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.223.712.701	6.936.809.033
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		35.862.959	-
6. Lợi nhuận chưa phân phối	421		1.567.405.078	358.629.585
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	358.629.585
- Lợi nhuận chưa PP kỳ này	421b		1.567.405.078	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		488.980.426.773	451.225.127.354

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu



HOÀNG THỊ PHƯƠNG

Kế toán trưởng



NGUYỄN TUẤN NGỌC



BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

Mã số CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Năm nay	Đơn vị tính: đồng Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	304.712.815.268	276.128.111.241
2. Các khoản giảm trừ doanh thu			-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		304.712.815.268	276.128.111.241
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	285.563.881.125	238.407.135.216
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.148.934.143	37.720.976.025
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	435.465.404	1.310.017.468
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	21.833.694.602	27.847.517.916
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.833.694.602	27.847.517.916
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.628.862.148	10.821.672.584
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(17.878.157.203)	361.802.993
11. Thu nhập khác	31	VI.5	20.632.552.837	106.946.351
12. Chi phí khác	32	VI.6	2.811.838	8.967.825
13. Lợi nhuận khác	40		20.629.740.999	97.978.526
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.751.583.796	459.781.519
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	1.184.178.718	101.151.934
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.567.405.078	358.629.585
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	313	65
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		313	

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

HOÀNG THỊ PHƯƠNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN TUẤN NGỌC



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp
Từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2015

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	348.226.443.601	315.528.819.989
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(205.918.606.584)	(215.525.301.422)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(101.913.576.187)	(75.213.886.086)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(27.452.348.978)	(22.868.759.033)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(40.456.178)	(1.422.039.009)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11.014.657.848	8.534.370.375
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(26.398.157.230)	(28.708.970.210)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.482.043.708)	(19.675.765.396)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH	21	(1.764.018.302)	(209.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	21.520.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(26.019.057.687)	(51.733.249.057)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.061.934.687	70.994.548.007
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	435.114.014	1.323.211.912
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.233.972.712	20.375.510.862
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	293.492.218.690	225.870.843.965
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(249.835.002.477)	(223.811.831.832)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(346.580.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(145.497.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	43.310.636.213	1.913.514.533
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	43.062.565.217	2.613.259.999
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	14.746.750.949	12.133.490.950
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	57.809.316.166	14.746.750.949

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng





HOÀNG THỊ PHƯƠNG

NGUYỄN TUẤN NGỌC



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần LILAMA 5 tiền thân là Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5 thuộc Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam được thành lập theo quyết định số 05/BXD - TCLĐ ngày 02/01/1996 của Bộ Xây dựng và được chuyển đổi sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 667/QĐ - BXD của Bộ xây dựng ngày 17/4/2006 về việc chuyển Công ty Lắp máy và Xây dựng số 5 thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800233448 cấp ngày 15 tháng 6 năm 2006, thay đổi lần 5 ngày 12 tháng 05 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 179 Trần Phú - Thị xã Bim Sơn - Tỉnh Thanh Hóa.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, hệ thống thông tin liên lạc, đường dây tải điện, trạm biến thế; thi công xử lý nền móng, trang trí nội thất, lắp ráp thiết bị máy móc công trình;
- Gia công chế tạo, lắp đặt và tư vấn lắp đặt dây chuyền công nghệ, kết cấu thép các công trình, thiết bị lò hơi, bình, bể chứa gas, đường ống công nghệ chịu áp lực các loại;
- Kiểm tra mỗi hàn bằng phương pháp không phá huỷ (siêu âm, thẩm thấu, từ tính Xray); thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, hệ thống nhiệt, hệ thống điều khiển tự động các dây chuyền công nghệ, chống ăn mòn bề mặt kim loại;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư (gạch lát, đá ốp lát, đá xây dựng, đất đèn, que hàn), phụ tùng, cấu kiện, kim loại cho xây dựng;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải; tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt thiết bị siêu trường, siêu trọng; kinh doanh bất động sản và nhà ở.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt

động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào lập báo cáo tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên;

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 06 năm

Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính

Hợp đồng thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Tài sản cố định thuê tài chính được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như tài sản cố định của Công ty. Đối với tài sản cố định thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm giữa niên độ và cuối năm, là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào các tổ chức kinh tế khác, mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế đó.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

8. Nguyên tắc kế toán vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ

Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

17. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

101
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
1 . Tiền				
- Tiền mặt tại quỹ	6.272.147.442	-	1.905.421.665	-
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	51.537.168.724	-	12.841.329.284	-
Cộng	57.809.316.166	-	14.746.750.949	-
2 . Phải thu khách hàng ngắn hạn				
a) Phải thu khách hàng	163.094.032.744	-	174.560.299.146	-
- Tổng công ty lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV	69.142.830.801	-	77.587.615.099	-
- Phải thu khách hàng khác	93.951.201.943	-	96.972.684.047	-
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	81.617.645.894	-	90.010.802.169	-
- Tổng công ty lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV	69.142.830.801	-	77.587.615.099	-
- Công ty CP Cơ khí lắp máy Lilama	343.573.173	-	175.996.150	-
- Công ty CP Lilama 3- XN 3.1	40.557.000	-	40.557.000	-
- Công ty CP Lilama 3	646.184.000	-	646.184.000	-
- Công ty CP Lilama 3.3	77.220.000	-	77.220.000	-
- Công ty CP Lilama 45-1	10.150.898.202	-	10.150.898.202	-
- Công ty CP Lilama 69-2	298.564.200	-	298.564.200	-
- Công ty CP Lilama 69-3	116.000.000	-	231.949.000	-
- Công ty CP Lilama Hà Nội	801.818.518	-	801.818.518	-
3 . Trả trước người bán ngắn hạn				
Trả trước cho người bán	1.855.925.064	-	7.328.788.931	-
- Công ty CP KTC	-	-	568.185.850	-
- Công ty TNHH Yên Thế	451.500.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Hoàng Đạt	465.000.000	-	-	-
- Trả trước người bán khác	939.425.064	-	6.760.603.081	-
4 . Phải thu ngắn hạn khác				
- Phải thu khác	1.045.337.177	-	1.016.855.362	-
+ Khác	1.045.337.177	-	1.016.855.362	-
- Tạm ứng	1.038.520.825	-	2.690.917.337	-
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	91.909.336	-	43.188.808	-
- Dư nợ phải trả khác	1.893.369.144	-	318.657.171	-
Cộng	4.069.136.482	-	4.069.618.678	-

5 . Nợ xấu

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.				
- CT tháo dỡ xưởng cơ khí CTY CP XM Bim sơn HD 55	394.946.400	-	-	-
- Công trình điện granit Nam Định	858.410.069	-	858.410.069	-
- Công ty cổ phần Đá trắng Yên Bình	708.295.459	-	708.295.459	658.404.209
- Xi măng Tuyên Quang	1.617.521.215	-	-	-
- Các khoản phải thu quá hạn khác	1.014.262.463	218.401.185	346.948.632	50.108.750
Cộng	4.593.435.606	218.401.185	1.913.654.160	708.512.959

6 . Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	5.351.532.544	-	2.075.392.214	-
- Công cụ, dụng cụ	707.238.288	-	739.719.228	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	130.647.051.307	-	123.623.165.371	-
- Thành phẩm	434.121.250	-	512.362.750	-
Cộng	137.139.943.389	-	126.950.639.563	-

7 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tại phụ lục số 01 trang 25 của báo cáo này

8 . Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong kỳ	691.243.636	691.243.636
- Thuê tài chính trong năm	691.243.636	691.243.636
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	691.243.636	691.243.636
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong kỳ	60.318.100	60.318.100
- Khấu hao trong kỳ	60.318.100	60.318.100
Số giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	60.318.100	60.318.100
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối kỳ	630.925.536	630.925.536

9 . Tài sản dở dang dài hạn		30/06/2015	01/01/2015
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		<u>3.533.530.222</u>	<u>3.765.823.094</u>
- Xây dựng cơ bản Nhà máy chế tạo thiết bị & kết cấu thép		2.081.146.584	2.081.146.584
- Xây dựng cơ bản Nhà ở cán bộ công nhân viên		753.736.603	689.644.383
- Xây dựng nhà bán cát, phun sơn		633.624.013	633.624.013
- Sửa chữa trụ sở nhà ở cán bộ Công nhân viên		65.023.022	
- Xây dựng cơ bản khác		-	361.408.114
		<u>3.533.530.222</u>	<u>3.765.823.094</u>

10 . Đầu tư tài chính dài hạn		30/06/2015		01/01/2015	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Trái phiếu		20.000.000	-	20.000.000	-
Cộng		20.000.000	-	20.000.000	-

11 . Chi phí trả trước dài hạn		31/12/2015	01/01/2015
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ		<u>15.541.530.838</u>	<u>10.897.916.776</u>
Cộng		<u>15.541.530.838</u>	<u>10.897.916.776</u>

12 . Phải trả người bán ngắn hạn		31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Phải trả người bán ngắn hạn	37.785.221.885	37.785.221.885	60.147.519.126	39.150.424.506	
- Chi nhánh Công ty TNHH Nhất Nước	5.383.465.832	5.383.465.832	20.997.094.620	-	
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Lê Bình	19.072.933.436	19.072.933.436	-	-	
- Công ty TNHH Xây lắp Vận tải Phục Hưng	7.619.323.167	7.619.323.167	-	-	
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	5.709.499.450	5.709.499.450	39.150.424.506	39.150.424.506	
Phải trả người bán là các bên liên quan	7.477.872.850	7.477.872.850	5.833.605.022	5.833.605.022	
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV	57.522.100	57.522.100	-	-	
- Công ty CP Lilama 3	2.285.802.504	2.285.802.504	2.285.802.504	2.285.802.504	
- Công ty CP Cơ khí Lắp máy Lilama	3.406.002.518	3.406.002.518	3.406.002.518	3.406.002.518	
- Công ty CP Lilama 69-1	141.800.000	141.800.000	141.800.000	141.800.000	
- Công ty Cổ phần Thí Nghiệm Cơ Điện	1.586.745.728	1.586.745.728	-	-	

13 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn		31/12/2015	01/01/2015
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		<u>19.577.488.714</u>	<u>18.001.408.310</u>
- Tổng công ty lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV		19.031.358.591	17.050.390.995
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác		546.130.123	951.017.315

14 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
- Thuế giá trị gia tăng		3.860.177.625	13.965.966.197	13.956.480.451	3.869.663.371
- Thuế thu nhập doanh nghiệp			1.184.178.718	40.456.178	1.143.722.540
- Thuế thu nhập cá nhân		79.541.228	162.416.268	8.349.334	233.608.162
- Tiền thuê đất, thuế nhà đất		601.399.000	-	601.399.000	-
- Các loại thuế khác		2.140.147.262	1.216.959.174	1.197.167.285	2.159.939.151
Cộng		<u>6.681.265.115</u>	<u>16.529.520.357</u>	<u>15.803.852.248</u>	<u>7.406.933.224</u>

	31/12/2015	01/01/2015
Trong đó:		
- Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	7.751.145
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	7.406.933.224	6.681.265.115
15 . Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2015	01/01/2015
- Chi phí lãi vay phải trả	-	21.017.235.918
- Chi phí phải trả khác	3.000.000.000	3.300.000.000
Cộng	3.000.000.000	24.317.235.918
16 . Phải trả ngắn hạn khác	31/12/2015	01/01/2015
- Kinh phí công đoàn	904.222.490	834.919.084
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	3.620.609	5.601.518
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	45.572.170.649	15.943.199.284
- <i>Phải trả phải nộp khác</i>	44.653.595.675	1.683.545.826
- <i>Tạm ứng</i>	918.574.974	14.259.653.458
Cộng	46.480.013.748	16.783.719.886
17 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
Chi tiết tại phụ lục số 02 trang 26 - 27 của Báo cáo này		
18 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		
Chi tiết tại phụ lục số 03 trang 28 - 29 của Báo cáo này		
19 . Vốn chủ sở hữu		
19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu		
Chi tiết tại phụ lục số 04 trang 30 của Báo cáo này		
19.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2015	01/01/2015
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV	25.500.000.000	25.500.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	24.500.000.000	24.500.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000
19.3. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận.	31/12/2015	01/01/2015
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

	31/12/2015	01/01/2015
19.4. Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000
19.5. Các quỹ của doanh nghiệp		
- Quỹ đầu tư phát triển	7.223.712.701	6.936.809.033
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	35.862.959	-
20 . Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán		
a. Ngoại tệ các loại		
- USD	322.40	498.63

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

	Đơn vị tính: Đồng	
	Năm nay	Năm trước
1 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a) Doanh thu		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	304.712.815.268	276.128.111.241
Cộng	304.712.815.268	276.128.111.241
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Tổng công ty lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV	217.902.779.608	220.681.612.943
2 . Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	285.563.881.125	238.407.135.216
Cộng	285.563.881.125	238.407.135.216
3 . Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	435.465.404	1.310.017.468
Cộng	435.465.404	1.310.017.468
4 . Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	21.833.694.602	27.847.517.916
Cộng	21.833.694.602	27.847.517.916
5 . Thu nhập khác		
- Lãi từ Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	5.233.971.295	
- Lãi vay được xóa không phải trả	15.398.581.542	
- Các khoản khác	-	106.946.351
Cộng	20.632.552.837	106.946.351

6 . Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
- Chi phí khác	2.811.838	8.967.825
Cộng	2.811.838	8.967.825
7 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
a. Lợi nhuận trước thuế	2.751.583.796	459.781.519
+ <i>Lỗ từ hoạt động kinh doanh và hoạt động khác</i>	<i>(2.482.387.499)</i>	
+ <i>Lãi từ kinh doanh bất động sản</i>	<i>5.233.971.295</i>	
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	148.659.242	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	148.659.242	-
+ <i>Tăng do thanh tra năm 2014</i>	<i>148.659.242</i>	
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)	5.382.630.537	459.781.519
+ <i>Lợi nhuận tính thuế tăng do thanh tra năm 2014</i>	<i>148.659.242</i>	
+ <i>Lợi nhuận tính thuế của hoạt động kinh doanh bất động sản</i>	<i>5.233.971.295</i>	
d. Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.184.178.718	
+ <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp tăng do thanh tra</i>	<i>32.705.033</i>	
+ <i>Thuế thu nhập doanh nghiệp từ kinh doanh bất động sản</i>	<i>1.151.473.685</i>	
e. Tổng tiền Thuế TNDN phát sinh trong năm 2015	1.184.178.718	101.151.934
8 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.567.405.078	358.629.585
b. Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.567.405.078	358.629.585
c. Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo NQ Đại hội đồng cổ đông	-	35.862.958
d. Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
e. Lãi cơ bản trên cổ phiếu = {(b)-(c)}/(d) (*)	313	65
f. Lãi suy giảm trên cổ phiếu(*)	313	
(*) Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu cuối kỳ là số tạm tính do chưa có quyết định phân phối lợi nhuận của đại hội đồng cổ đông		
9 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.295.893.401	101.850.595.188
- Chi phí nhân công	97.802.673.533	78.759.936.524
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.337.716.903	8.589.056.253
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.725.891.803	110.658.688.973
- Chi phí khác bằng tiền	36.054.453.569	5.126.726.044
Cộng	308.216.629.209	304.985.002.982

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm nay
- Mua sắm tài sản bằng hoạt động thuê mua tài chính	758.880.000

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

2 . Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
1.	Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Công ty mẹ	Doanh thu thực hiện	217.902.779.608
	- Dự án lọc dầu Nghi Sơn			162.450.392.064
	- Dự án Hải Dương 2			3.441.462.095
	- Dự án trạm biến áp 220KV Sơn Hà			14.189.391.207
	- Dự án trạm biến áp 220KV Thái Thụy			9.001.341.417
	- Dự án Trạm biến áp 200KV Vĩnh Tường			20.170.140.841
	- Dự án Nhiệt điện thái Bình 2			5.512.025.640
	- Dự án Công trình nhà Quốc Hội			3.138.026.344
			Thanh toán tiền khối lượng	238.409.293.335
			Gán trừ công nợ	2.114.212.431
			Gán trừ tiền vay vào phải thu	7.009.672.235
			Bù trừ công nợ phải thu với chi phí	113.742.895
			Trả thay tiền lãi vay	484.393.219
			Tiền sử dụng điện	55.297.262
			Bù trừ công nợ	539.690.481
2.	Công ty Cổ phần 69-3	Đơn vị thành viên trong tổng công ty	Trả tiền mua vật tư kỹ trước	115.949.000
3.	Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy LILAMA	Đơn vị thành viên trong tổng công ty	Doanh thu thực hiện	375.483.623
			Thu tiền khối lượng	207.906.600

Tiền lương, thù lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát, thư ký trong năm 2015

TT Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao
1. Ông Trần Văn Mão	Chủ tịch hội đồng quản trị	178.492.500	-
2 Ông Phạm Đình San	Thành viên hội đồng quản trị	194.862.900	34.500.000
3 Ông Cù Minh Kim	Thành viên hội đồng quản trị	111.451.200	34.500.000
4 Ông Bùi Thanh Phong	Thành viên hội đồng quản trị	110.142.800	34.500.000
5 Ông Nguyễn Tuấn Ngọc	Thành viên hội đồng quản trị	155.040.500	34.500.000
6 Ông Lưu Sỹ Học	Trưởng ban kiểm soát		34.500.000
7 Ông Nguyễn Văn Nguyên	Thành viên ban kiểm soát	174.841.200	27.600.000
8 Ông Nguyễn Mạnh Toàn	Thành viên ban kiểm soát	148.207.400	27.600.000
9 Ông Nguyễn Văn Dũng	Thư ký	84.294.300	27.600.000

3 . Báo cáo bộ phận

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng một khu vực địa lý và loại hình kinh doanh xây lắp là chủ yếu. Do đó, không có báo cáo bộ phận được trình bày.

4 . Thông tin so sánh

Như trình bày tại mục 01, thuyết minh III, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này và nhằm chỉnh sửa một số sai sót trong việc trình bày Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, cụ thể như sau:

Khoản mục	Mã số	Số báo cáo năm trước	Số phân loại	Mã số	Đơn vị tính: đồng
					Số sau phân loại
Bảng cân đối kế toán					
Tài sản ngắn hạn	100	337.356.623.987	(10.897.916.776)	100	326.458.707.211
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	182.019.459.409	2.734.106.145	130	184.753.565.554
Phải thu ngắn hạn khác	138	1.335.512.533	2.734.106.145	136	4.069.618.678
Tài sản ngắn hạn khác	150	13.639.774.066	(13.632.022.921)	150	7.751.145
Chi phí phải trả ngắn hạn	151	10.897.916.776	(10.897.916.776)	151	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	2.734.106.145	(2.734.106.145)	155	-
Tài sản dài hạn	200	113.868.503.367	10.897.916.776	200	124.766.420.143
Đầu tư dài hạn khác	258	20.000.000	(20.000.000)		-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	20.000.000	255	20.000.000
Chi phí trả trước dài hạn	261	-	10.897.916.776	261	10.897.916.776
Quỹ đầu tư phát triển	417	6.091.790.914	845.018.119	418	6.936.809.033
Quỹ dự phòng tài chính	418	845.018.119	(845.018.119)		-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	72	(7)	70	65

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng



HOÀNG THỊ PHƯƠNG



NGUYỄN TUẤN NGỌC



CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 5

Đ/c: Số 179 Đường Trần Phú - TX Bim Sơn - Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục số 01: Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị DCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	26.863.103.753	148.309.442.526	7.282.349.808	230.945.454	182.685.841.541
Số tăng trong kỳ	-	1.764.018.302	-	-	1.764.018.302
- <i>Mua trong kỳ</i>	-	1.764.018.302	-	-	1.764.018.302
Số giảm trong kỳ	18.055.948.436	-	-	-	18.055.948.436
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	18.055.948.436	-	-	-	18.055.948.436
Số dư cuối kỳ	8.807.155.317	150.073.460.828	7.282.349.808	230.945.454	166.393.911.407
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	10.619.525.508	57.150.961.751	4.747.819.509	84.854.500	72.603.161.268
Số tăng trong kỳ	1.268.432.400	6.523.812.003	520.361.600	25.110.900	8.337.716.903
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	1.268.432.400	6.523.812.003	520.361.600	25.110.900	8.337.716.903
Số giảm trong kỳ	6.225.964.517	-	-	-	6.225.964.517
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	6.225.964.517	-	-	-	6.225.964.517
Số dư cuối kỳ	5.661.993.391	63.674.773.754	5.268.181.109	109.965.400	74.714.913.654
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	16.243.578.245	91.158.480.775	2.534.530.299	146.090.954	110.082.680.273
Tại ngày cuối kỳ	3.145.161.926	86.398.687.074	2.014.168.699	120.980.054	91.678.997.753

Trong đó:

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại 31/12/2015 đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay: 3.621.954.799 đồng

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2015 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 7.896.580.019 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 5

Đ/c: Số 179 Đường Trần Phú - TX Bim Sơn - Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Phụ lục số 02: Vay và nợ thuế tài chính ngân hàng**Vay và nợ thuế tài chính ngân hàng**

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	239.974.587.368	239.974.587.368	265.122.418.690	211.024.865.842	185.877.034.520	185.877.034.520
Vay ngắn hạn	239.844.387.368	239.844.387.368	264.992.218.690	199.511.154.014	174.363.322.692	174.363.322.692
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Sầm Sơn (Vietinbank)	17.505.000.000	17.505.000.000	28.924.884.675	46.885.947.900	35.466.063.225	35.466.063.225
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bim Sơn (BIDV)	199.966.615.072	199.966.615.072	213.694.561.719	152.625.206.114	138.897.259.467	138.897.259.467
- Ngân hàng TMCP Tiên phong	22.372.772.296	22.372.772.296	22.372.772.296	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	130.200.000	130.200.000	130.200.000	11.513.711.828	11.513.711.828	11.513.711.828
- Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) ⁽¹⁾	-	-	-	11.513.711.828	11.513.711.828	11.513.711.828
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ⁽²⁾	130.200.000	130.200.000	130.200.000	-	-	-
Cộng	239.974.587.368	239.974.587.368	265.122.418.690	211.024.865.842	185.877.034.520	185.877.034.520

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 5

Đ/c: Số 179 Đường Trần Phú - TX Bim Sơn - Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Phụ lục số 03: Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay dài hạn	21.454.567.365	21.454.567.365	28.500.000.000	38.810.136.635	31.764.704.000	31.764.704.000
Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) ⁽³⁾	-	-	-	-	31.764.704.000	31.764.704.000
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam ⁽⁴⁾	21.454.567.365	21.454.567.365	28.500.000.000	7.045.432.635	-	-
b) Nợ dài hạn	282.100.000	282.100.000	758.880.000	476.780.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ⁽⁵⁾	282.100.000	282.100.000	758.880.000	476.780.000	-	-
Cộng	21.736.667.365	21.736.667.365	29.258.880.000	39.286.916.635	31.764.704.000	31.764.704.000

Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Ngân hàng	Số hợp đồng vay	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Hạn mức tín dụng	Lãi suất vay	Dư nợ gốc vay dài hạn tại 31/12/2015	Dư nợ gốc vay dài hạn đến hạn trả tại ngày 31/12/2015	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) ⁽¹⁾⁽³⁾	25/2013/VA MC-SHB	20/12/2013	120 tháng	60.000.000.000	Lãi suất thả nổi	-	-	Mục đích vay để xây dựng nhà máy sản xuất que hàn Lilama	Tài sản hình thành từ vốn vay
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ⁽²⁾⁽⁵⁾	39.15.02/CT TC	02/02/2015	48 tháng		Thả nổi	282.100.000	130.200.000	Tài sản thuê là 01 xe ô tô Ford Ranger XLT 4x4	Tài sản hình thành từ đi thuê

⁽¹⁾⁽³⁾ Trước đây là khoản vay từ ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội theo hợp đồng số 070P0016/HHTD ngày 16/07/2007 thời hạn vay 120 tháng, hạn mức tín dụng 60.000.000.000 đồng, lãi suất thả nổi điều chỉnh 12 tháng/lần. Hợp đồng được đảm bảo bằng tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay. Mục đích vay để xây dựng nhà máy sản xuất que hàn Lilama. Ngày 20/12/2013, ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội đã bán toàn bộ khoản nợ liên quan tới hợp đồng này cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) theo hợp đồng mua, bán nợ số 25/2013/VAMC-SHB.

⁽⁴⁾ Trong năm Công ty vay Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Hợp đồng số 240915/TCT-Lilama 5 về việc hỗ trợ trả nợ thay khoản vay đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất vật liệu hàn Lilama cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC).

CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 5

Đ/c: Số 179 Đường Trần Phú - TX Bim Sơn - Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Phụ lục số 04: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Đơn vị tính: đồng					
	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	Tổng cộng	
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	15.031.500.000	395.028.262	7.031.154.289	72.457.682.551	
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	
Lãi trong năm trước	-	-	-	358.629.585	358.629.585	
Tăng khác	-	-	-	-	-	
Trích các quỹ	-	-	47.172.628	377.381.023	424.553.651	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	471.726.279	471.726.279	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	
Giảm khác	-	-	-	-	-	
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	15.031.500.000	442.200.890	7.295.438.618	72.769.139.508	
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	
Lãi trong kỳ	-	-	-	1.567.405.078	1.567.405.078	
Trích các quỹ	-	-	-	322.766.627	322.766.627	
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	358.629.585	358.629.585	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	15.031.500.000	442.200.890	8.826.980.738	74.300.681.628	

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 39/NQ/ĐHĐCĐ ngày 14/4/2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, cụ thể như sau:

Chi tiêu	Số tiền
- Trích quỹ đầu tư phát triển	286.903.668
- Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	35.862.959
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	35.862.958
Cộng	358.629.585

